

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT  
XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



**MỤC LỤC**

	<u><b>TRANG</b></u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<b><u>Hội đồng quản trị</u></b>			
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	20/3/2009	
Ông Đỗ Hoà	Thành viên	20/3/2009	
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên	20/3/2009	
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên	23/01/2015	
Ông Lưu Xuân	Thành viên	23/01/2015	
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>			
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban	6/3/2012	8/5/2020
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên	20/3/2009	
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên	20/3/2009	
<b><u>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</u></b>			
Ông Đỗ Hoà	Quyền Tổng Giám đốc	31/7/2020	
Ông Đỗ Hùng	Tổng giám đốc	20/3/2009	31/7/2020
Ông Đỗ Hoà	Phó Tổng Giám đốc	20/3/2009	31/7/2020

### **ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đỗ Hùng, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị đã chủ động triển khai các giải pháp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của dịch bệnh viêm phổi Virus Corona (COVID-19). Chúng tôi đã ghi nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ của ngân hàng, đối tác và các nhà cung cấp và triển khai nhiều giải pháp kinh doanh bao gồm nhưng không giới hạn việc mở rộng và phát triển việc cho thuê mặt bằng, chuyển đổi loại hình sản phẩm thép không gỉ trong tương lai. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn và thử thách và đang chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi sau đại dịch.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**ĐỖ HÙNG – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số I.5 của báo cáo tài chính về Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Ngoài ra, tại Thuyết minh số V.11 về Xây dựng cơ bản dở dang có mô tả Các hạng mục mua sắm tài sản cố định và Xây dựng cơ bản dở dang đã lắp đặt hoàn chỉnh, tuy nhiên chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động, sản xuất được do chưa đồng bộ hệ thống máy móc cũ. Hiện tại, Công ty chỉ đang sử dụng

hệ thống máy cũ để sản xuất cảm chừng do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm phổi Virus Corona (COVID-19) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ, ngành sản xuất chính của Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty đã và đang chủ động hàng loạt các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 cũng như thích ứng với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ. Công ty đã nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ từ các Ngân hàng, đối tác, các nhà cung cấp, đồng thời đang tiến hành nghiên cứu thị trường, mở rộng kinh doanh các dòng sản phẩm khác trong và ngoài ngành bằng việc tận dụng các lợi thế về máy móc thiết bị, quỹ đất, công trình nhà xưởng đã đầu tư sẵn có đi đôi với hoạch định lại nhà xưởng cho thuê những diện tích chưa cần sử dụng, kiểm soát tối ưu chi phí hoạt động. Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ tạo ra đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó Báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Kết luận của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

#### **Vấn đề khác**

Tại ngày 31 tháng 7 năm 2020 công ty đã miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc với ông Đỗ Hùng và bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Hòa. Hiện nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn là ông Đỗ Hùng, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020

**Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt**



**NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

#### **Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

**MẪU B01a-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>434.581.567.611</b>	<b>505.161.295.084</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.177.172.027</b>	<b>4.007.954.092</b>
Tiền	111	V.1	10.177.172.027	4.007.954.092
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>40.183.147.652</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	40.183.147.652
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>175.582.944.041</b>	<b>185.827.541.775</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	127.363.655.973	119.569.554.828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	43.662.774.812	41.281.550.027
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	4.556.513.256	10.976.436.920
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>247.633.420.770</b>	<b>271.994.532.940</b>
Hàng tồn kho	141		247.633.420.770	271.994.532.940
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.188.030.773</b>	<b>3.148.118.625</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	264.850.434	49.736.082
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		908.926.123	3.084.128.327
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	14.254.216	14.254.216
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>349.784.687.009</b>	<b>399.827.304.517</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>41.349.444.444</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	5.349.444.444
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	-	36.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>281.701.279.390</b>	<b>288.063.525.393</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	186.834.058.795	191.928.153.552
Nguyên giá	222		335.727.483.175	328.880.435.902
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.893.424.380)	(136.952.282.350)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	94.867.220.595	96.135.371.841
Nguyên giá	228		106.108.473.300	106.108.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.241.252.705)	(9.973.101.459)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>66.678.671.369</b>	<b>68.951.398.642</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	66.678.671.369	68.951.398.642
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	500.000.000	500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>904.736.250</b>	<b>962.936.038</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	904.736.250	962.936.038
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>784.366.254.620</b>	<b>904.988.599.601</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>240.680.468.118</b>	<b>341.215.274.483</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>239.922.755.718</b>	<b>340.685.262.083</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.803.205.840	11.278.083.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	48.006.494	495.160.594
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	506.405	3.724.797.381
4. Phải trả người lao động	314		212.315.519	569.890.095
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.020.245.876	2.382.465.460
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	138.600.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	58.115.488	1.243.097.188
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	229.641.760.096	317.991.768.357
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>757.712.400</b>	<b>530.012.400</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	757.712.400	530.012.400
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>543.685.786.502</b>	<b>563.773.325.118</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>543.685.786.502</b>	<b>563.773.325.118</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.000.000.000	495.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		495.000.000.000	495.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(74.372.727)	(74.372.727)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.760.159.229	68.847.697.845
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		68.679.697.845	62.857.216.669
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(19.919.538.616)	5.990.481.176
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>784.366.254.620</b>	<b>904.988.599.601</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020



**ĐỖ HÙNG**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**TRẦN TRUNG NGHĨA**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THÙY VƯƠNG**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B02a-DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.301.054.513	317.752.958.663
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.301.054.513	317.752.958.663
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	110.940.697.734	294.039.159.187
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.639.643.221)	23.713.799.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	140.388.080	2.265.276.658
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.074.237.707	12.727.800.576
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.074.237.707</i>	<i>12.610.361.471</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	310.043.186	1.322.739.689
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.836.639.658	6.122.057.314
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.720.175.692)	5.806.478.555
11. Thu nhập khác	31		617.499	3.210.480.959
12. Chi phí khác	32		199.980.423	16.325.719
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(199.362.924)	3.194.155.240
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19.919.538.616)	9.000.633.795
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	1.803.386.228
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.919.538.616)	7.197.247.567
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	(402)	145
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	(402)	145

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020



**ĐỖ HÙNG**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

**TRẦN TRUNG NGHĨA**  
 Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THỦY VƯƠNG**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B03a-DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(19.919.538.616)	9.000.633.795
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.209.293.276	9.581.149.571
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.670)	(28.376)
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(140.372.513)	(5.473.053.084)
- Chi phí lãi vay	06		11.074.237.707	12.610.361.471
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.223.605.184	25.719.063.377
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	33.650.998.453	5.609.993.473
- Tăng hàng tồn kho	10		24.361.112.170	(6.129.595.017)
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(10.478.595.495)	(6.395.893.482)
- Giảm chi phí trả trước	12		(156.914.564)	1.273.723.116
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(10.436.457.287)	(12.042.116.499)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.723.803.028)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(168.000.000)	(168.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>37.271.945.433</b>	<b>7.867.174.968</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.194.500.001)	(751.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	532.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.316.347.420)	(27.285.945.287)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		83.848.939.516	30.623.333.335
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	909.173.998	1.947.217.950
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>57.247.266.093</b>	<b>5.066.060.543</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		75.282.071.008	303.741.704.543
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(163.632.079.269)	(314.680.672.700)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(177.748.356)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(88.350.008.261)</b>	<b>(11.116.716.513)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>6.169.203.265</b>	<b>1.816.518.998</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>4.007.954.092</b>	<b>3.657.041.679</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.670	28.376
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.I	<b>10.177.172.027</b>	<b>5.473.589.053</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**  
 ĐO HÙNG HỒ CHÍ MINH  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

  
**TRẦN TRUNG NGHĨA**  
 Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN THỊ THỦY VƯƠNG**  
 Người lập biểu

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B09a-DN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 số 0302124121 (thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382) ngày 21 tháng 6 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 4 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 13/2015/GCNCP-VSD, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Số lượng 16.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tương ứng giá trị 165.000.000.000 VND đã được đăng ký với mã chứng khoán được cấp là KVC. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 173/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 13/2015/GCNCP-VSD-1 ngày 15 tháng 6 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 16.500.000 cổ phiếu lên 49.500.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 165.000.000.000 VND lên 495.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 495.000.000.000 VND
  - Số cổ phiếu : 49.500.000 cổ phiếu
  - Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

#### • **Trụ sở hoạt động**

##### Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-028) 3797 9009

Fax : (84-028) 3797 9100

Mã số thuế : 0302124121

##### Chi nhánh

**Tên chi nhánh 1:** : Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Địa chỉ : Ấp 11 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mã số chi nhánh	: 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 1
Tên chi nhánh 2	: Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ	: 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh	: 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 2

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành, nghề kinh doanh

Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc - đào, máy công nghiệp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà ở. Xây dựng nhà các loại. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp. Sản xuất chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công định hình inox (không hoạt động tại trụ sở). Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Cán, kéo định hình inox dạng cuộn - dây - ống - U - V (không hoạt động tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty đạt 106.301.054.513 VND, giảm 211.451.904.150 VND, tương đương giảm 67% so với doanh thu cùng kỳ năm trước. Do từ tháng 02 năm 2020, dịch bệnh viêm phổi Virus Corona (COVID-19) diễn ra trên diện rộng toàn cầu, Việt Nam và các nước trên thế giới đều phải thực hiện giãn cách xã hội, các cơ sở sản xuất buộc giãn cách hoạt động và ngừng sản xuất trong tháng 2 và tháng 3 năm 2020, nền kinh tế đình trệ ảnh hưởng mạnh đến kết quả tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Đồng thời, ngày 15 tháng 11 năm 2019 Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN về việc Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ" ngành hàng chính của Công ty. Theo đó, nguồn nguyên liệu sản xuất thép không gỉ của Công ty hiện nay (chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc và mua trong nước) sẽ không thể đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật mới này. Công ty đang tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu khác đạt chuẩn kỹ thuật mới, đồng thời sản xuất, tiêu thụ hết nguyên liệu tồn kho trong thời gian Thông tư đang trong quá trình chuyển tiếp thực hiện, do đó các khoản trả trước cho người bán về các hợp đồng mua vật tư tạm thời chưa thực hiện.

Ban lãnh đạo Công ty đã và đang chủ động hàng loạt các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 cũng như thích ứng với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ. Công ty đã nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ từ các Ngân hàng, đối tác, các nhà cung cấp, đồng thời đang tiến hành nghiên cứu thị trường, mở rộng kinh doanh các dòng sản phẩm khác trong và ngoài ngành bằng việc tận dụng các lợi thế về máy móc thiết bị, quỹ đất, công trình nhà xưởng đã đầu tư sẵn có đi đôi với hoạch định lại nhà xưởng cho

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuê những diện tích chưa cần sử dụng, kiểm soát tối ưu chi phí hoạt động. Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ tạo ra đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó Báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

#### 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 76 người).

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 13 (mười ba) của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

### 3. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### 4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

#### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị văn phòng	01 - 05
Cây trồng lâu năm	08

#### 10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán/ máy tính.

##### *Quyền sử dụng đất*

Giá trị các quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Các quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

##### *Phần mềm máy tính/ kế toán*

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 8 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 14, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### ***Chi phí mua sắm tài sản cố định***

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

##### ***Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản***

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### ***Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trong trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của Công ty theo hình thức BCC chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

Bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế phải căn cứ vào bản chất của hợp đồng để kế toán một cách phù hợp theo nguyên tắc:

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm các lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

#### 13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

#### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải nộp bảo hiểm và các khoản phải trả khác.

#### 15. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

##### Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### *Phân phối lợi nhuận thuần*

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### 16. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.154.538.675	3.964.087.615
Tiền gửi ngân hàng	7.022.633.352	43.866.477
<b>Cộng</b>	<b>10.177.172.027</b>	<b>4.007.954.092</b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	-	-	40.183.147.652	40.183.147.652
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	-	-	40.183.147.652	40.183.147.652

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) <b>Dài hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>40.683.147.652</b>	<b>40.683.147.652</b>

(\*) Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 - 9 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất năm 2019 từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lư Chí Lương	700.010.977	768.611.517
Bà Phạm Hoàng Ngọc Trâm	1.100.289.382	1.106.868.782
Cơ Sở Kim Phú	730.048.741	780.668.211
Cơ Sở Thành Công	940.022.431	988.272.896
Công ty TNHH Đầu tư Duy Phương	6.194.110.246	6.394.110.246
Công ty TNHH MTV SX TM DV Đức Phát	2.051.974.320	6.000.326.200
Công ty TNHH Kinh doanh Kim Đình	34.516.646.829	36.626.378.985
Công ty TNHH Công Nghệ Kim Long	128.001.240	1.808.313.500
Công ty TNHH Kinh doanh Lạc Hồng	37.018.636.938	38.559.080.478
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	3.205.733.400	3.605.733.400
Công ty Cổ phần Thương mại Thăng Thế	30.836.063.770	9.393.579.830
Các khách hàng khác	9.942.117.699	13.537.610.783
<b>Cộng</b>	<b>127.363.655.973</b>	<b>119.569.554.828</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty CP TM XNK Maximex	4.694.540.156	7.133.365.156
Công ty CP Kinh doanh Phú Phong	19.361.336.905	17.460.905.605
Công ty CP Kinh doanh Phù Sa	19.606.897.751	16.589.979.266
Các nhà cung cấp khác	-	97.300.000
<b>Cộng</b>	<b>43.662.774.812</b>	<b>41.281.550.027</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>14.000.000.000</b>	-
<i>Các khoản cho vay có lãi (i)</i>	-	-	<b>14.000.000.000</b>	-
Ông Đinh Anh Dũng	-	-	4.000.000.000	-
Ông Đồng Tấn Phú	-	-	4.000.000.000	-
Ông Lê Mạnh Khỏe	-	-	3.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn Vũ	-	-	3.000.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1 F, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b) Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	5.349.444.444	-
Cho vay mua nhà (ii)	-	-	5.349.444.444	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>19.349.444.444</b>	-

(i) Công ty cho các cá nhân vay tiền trong thời hạn 3 tháng, lãi suất 0,83%/tháng.

(ii) Các khoản hỗ trợ nhân viên đã công tác trên 5 năm tại Công ty vay mua nhà cá nhân.

**6. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.556.513.256	-	10.976.436.920	-
Phải thu lãi cho vay	-	-	23.240.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	757.632.375	-
Phải thu lãi trái phiếu	21.320.893	-	9.250.003	-
Tạm ứng	4.534.896.206	-	10.186.314.542	-
Phải thu khác	296.157	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	36.000.000.000	-
Góp vốn thực hiện dự án Khu du lịch Bến Thành Long Hải (*)	-	-	36.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.556.513.256</b>	-	<b>46.976.436.920</b>	-

(\*) Công ty góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 32/KV-BTLH/2016 ngày ngày 5 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 1580/KV-BTLH ngày 15 tháng 8 năm 2017, để đầu tư vào dự án Khu Du lịch Bến Thành Long Hải tại Tỉnh lộ 44A, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải làm chủ đầu tư. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp của các bên. Tuy nhiên, hiện tại Công ty đã thu hồi toàn bộ tiền đầu tư do dự án chậm triển khai.

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.996.871.131	-	40.436.929.980	-
Công cụ, dụng cụ	6.897.439.215	-	7.141.354.422	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	544.031.800	-	4.028.048.660	-
Thành phẩm	99.070.641.771	-	97.093.059.467	-
Hàng hóa	120.124.436.853	-	123.295.140.411	-
<b>Cộng</b>	<b>247.633.420.770</b>	-	<b>271.994.532.940</b>	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, hàng tồn kho của Công ty với giá trị là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 21.345.714.286 VND) đã được sử dụng để thế chấp cho khoản các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Sài Gòn (xem Thuyết minh số V.18).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	-	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>264.850.434</b>	-	<b>49.736.082</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-		3.779.421
Chi phí bảo hiểm	36.533.764		20.873.726
Chi phí sửa chữa	-		3.850.000
Các chi phí khác	228.316.670		21.232.935
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>904.736.250</b>	-	<b>962.936.038</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	762.813.305		530.334.037
Chi phí bảo hiểm	-		10.161.198
Chi phí sửa chữa	56.212.078		256.809.174
Các chi phí khác	85.710.867		165.631.629
<b>Cộng</b>	<b>1.169.586.684</b>		<b>1.012.672.120</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	102.454.313.678	222.390.696.635	1.336.025.455	999.400.134	1.700.000.000	328.880.435.902
Tăng trong kỳ	2.272.727.273	3.329.320.000	-	-	1.245.000.000	6.847.047.273
Mua sắm mới	-	3.329.320.000	-	-	1.245.000.000	4.574.320.000
Kết chuyển từ Xây dựng cơ bản	2.272.727.273	-	-	-	-	2.272.727.273
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>104.727.040.951</b>	<b>225.720.016.635</b>	<b>1.336.025.455</b>	<b>999.400.134</b>	<b>2.945.000.000</b>	<b>335.727.483.175</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	53.724.305.955	80.271.050.452	1.334.813.321	984.612.634	637.499.988	136.952.282.350
Tăng trong kỳ	3.170.668.593	8.634.388.805	1.212.134	8.872.500	125.999.998	11.941.142.030
Khấu hao trong kỳ	3.170.668.593	8.634.388.805	1.212.134	8.872.500	125.999.998	11.941.142.030
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>56.894.974.548</b>	<b>88.905.439.257</b>	<b>1.336.025.455</b>	<b>993.485.134</b>	<b>763.499.986</b>	<b>148.893.424.380</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	48.730.007.723	142.119.646.183	1.212.134	14.787.500	1.062.500.012	191.928.153.552
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.832.066.403</b>	<b>136.814.577.378</b>	<b>-</b>	<b>5.915.000</b>	<b>2.181.500.014</b>	<b>186.834.058.795</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ thế chấp nợ vay:</b>						
Số đầu năm	28.761.233.224	5.223.318.249	-	-	-	33.984.551.473
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.845.420.544</b>	<b>4.040.847.242</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.886.267.786</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	12.679.207.154	32.522.223.569	1.263.298.182	910.675.134	-	47.375.404.039
Số cuối kỳ	14.396.125.827	34.451.431.457	1.336.025.455	910.675.134	-	51.094.257.873

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	103.412.261.000	2.696.212.300	106.108.473.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>103.412.261.000</b>	<b>2.696.212.300</b>	<b>106.108.473.300</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	7.714.389.180	2.258.712.279	9.973.101.459
Tăng trong kỳ	1.143.151.248	124.999.998	1.268.151.246
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1.143.151.248</i>	<i>124.999.998</i>	<i>1.268.151.246</i>
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.857.540.428</b>	<b>2.383.712.277</b>	<b>11.241.252.705</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	95.697.871.820	437.500.021	96.135.371.841
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>94.554.720.572</b>	<b>312.500.023</b>	<b>94.867.220.595</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 37.352.323.322 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 37.875.954.020 VND) đã được sử dụng để thế chấp cho khoản các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (xem Thuyết minh số V.18) và quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị là 57.202.397.250 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 57.821.917.800 VND) đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi (xem Thuyết minh số V.18).

Nguyên giá của các phần mềm máy tính/ kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 946.212.300 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 946.212.300 VND).

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>39.803.819.093</b>	<b>39.803.819.093</b>
Hệ thống lò ủ (*)	8.181.818.182	8.181.818.182
Cây cảnh	3.030.000.000	3.030.000.000
Phụ kiện mới dùng cho máy cán, lò ủ theo HĐ 001/HĐMB/KV-ĐT/2016 ký ngày 15/01/2016 (*)	2.909.090.911	2.909.090.911
HT máy gia công thép không gỉ đảo chiều 04 trục (*)	25.682.910.000	25.682.910.000
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>26.874.852.276</b>	<b>27.329.397.731</b>
Xây dựng nhà xưởng A8 (*)	13.126.727.273	13.126.727.273
Hệ thống xử lý chất thải và hút bụi: (*)	2.727.272.727	2.727.272.727
Nhà xưởng sản xuất - kho ống mở rộng (*)	11.020.852.276	11.020.852.276
Thiết kế và giám sát thi công	-	454.545.455
<b>Sửa chữa tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>1.818.181.818</b>
Nâng cấp sửa chữa nhà xưởng chống thấm	-	1.818.181.818
<b>Cộng</b>	<b>66.678.671.369</b>	<b>68.951.398.642</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Các hạng mục mua sắm tài sản cố định và Xây dựng cơ bản dở dang đã lắp đặt hoàn chỉnh, tuy nhiên chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động, sản xuất được do chưa đồng bộ hệ thống máy móc cũ. Hiện tại, Công ty chỉ đang sử dụng hệ thống máy cũ để sản xuất cầm chừng do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm phổi Virus Corona (COVID-19) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ, ngành sản xuất chính của Công ty.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM Quốc tế Chailease	-	-	8.451.745.889	8.451.745.889
Công ty TNHH TM - XD Gốc Thịnh	-	-	299.500.001	299.500.001
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	1.056.790.886	1.056.790.886	1.456.790.886	1.456.790.886
Công ty TNHH DV Hàng hóa Phim Chính	19.760.000	19.760.000	159.454.685	159.454.685
Công ty TNHH XD TM Cầu đường Vĩnh Hưng	65.700.000	65.700.000	215.700.000	215.700.000
Công ty TNHH TM DV Kinh doanh Nhà Vĩnh Lộc	122.400.000	122.400.000	147.400.000	147.400.000
Công ty CP Gas Việt Nhật	149.817.448	149.817.448	190.675.408	190.675.408
Công ty TNHH TM DV Cơ điện lạnh Phú Đức Tân	2.003.254.000	2.003.254.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	385.483.506	385.483.506	356.816.139	356.816.139
<b>Cộng</b>	<b>3.803.205.840</b>	<b>3.803.205.840</b>	<b>11.278.083.008</b>	<b>11.278.083.008</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ Sở Tiến Lên	27.680.500	42.580.000
Công ty CP TM XNK Maximex	-	191.039.500
Công ty TNHH SX TM DV Thành Nhân TNE	3.851.601	-
Công ty TNHH MTV Thịnh Phước Kon Tum	4.083.600	-
Công ty TNHH SX và TM Trường Đức Thịnh	-	241.137.600
Các khách hàng khác	12.390.793	20.403.494
<b>Cộng</b>	<b>48.006.494</b>	<b>495.160.594</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	539.787.704	539.787.704	-
Thuế nhập khẩu (*)	(14.254.216)	-	-	(14.254.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.723.803.028	-	3.723.803.028	-
Thuế thu nhập cá nhân	994.353	1.907.383	2.395.331	506.405
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>3.710.543.165</b>	<b>546.695.087</b>	<b>4.270.986.063</b>	<b>(13.747.811)</b>

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	14.254.216	14.254.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.724.797.381	506.405

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10% áp dụng đối với doanh thu bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong nước.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	2.965.245.876	2.327.465.456
Phí dịch vụ	55.000.000	55.000.004
<b>Cộng</b>	<b>3.020.245.876</b>	<b>2.382.465.460</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu cho thuê văn phòng và nhà xưởng chưa thực hiện	138.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>138.600.000</b>	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Phải trả khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>58.115.488</b>	<b>1.243.097.188</b>
Bảo hiểm xã hội	27.807.342	1.097.461.283
Bảo hiểm y tế	4.907.178	101.300.004
Bảo hiểm thất nghiệp	2.180.968	44.335.901
Thuế TNCN cho chuyên gia nước ngoài sửa chữa máy cày	23.220.000	-
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>757.712.400</b>	<b>530.012.400</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	757.712.400	530.012.400
<b>Cộng</b>	<b>815.827.888</b>	<b>1.773.109.588</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**18. Vay và nợ tài chính**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>317.991.768.357</b>	<b>317.991.768.357</b>	<b>75.282.071.008</b>	<b>(163.632.079.269)</b>	<b>229.641.760.096</b>	<b>229.641.760.096</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>317.191.768.357</i>	<i>317.191.768.357</i>	<i>75.282.071.008</i>	<i>(162.832.079.269)</i>	<i>229.641.760.096</i>	<i>229.641.760.096</i>
Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	5.400.000.000	(5.400.000.000)	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt (ii)	24.394.000.000	24.394.000.000	-	(24.394.000.000)	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (iii)	109.987.000.000	109.987.000.000	-	(25.406.000.000)	84.581.000.000	84.581.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (iv)	144.837.621.280	144.837.621.280	41.929.239.528	(79.658.932.192)	107.107.928.616	107.107.928.616
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi (v)	27.973.147.077	27.973.147.077	27.952.831.480	(27.973.147.077)	27.952.831.480	27.952.831.480
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>800.000.000</i>	<i>800.000.000</i>	-	<i>(800.000.000)</i>	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn	800.000.000	800.000.000	-	(800.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>317.991.768.357</b>	<b>317.991.768.357</b>	<b>75.282.071.008</b>	<b>(163.632.079.269)</b>	<b>229.641.760.096</b>	<b>229.641.760.096</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các khoản vay nợ như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.2512.101219 ngày 11 tháng 12 năm 2019, hạn mức tín dụng là 3.200.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.
  - Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.2384.101219 ngày 11 tháng 12 năm 2019, hạn mức tín dụng là 6.800.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng bất động sản tại 22/48 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh của ông Đỗ Hòa (cô đồng, thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc) và bà Nguyễn Lê Trâm Thu đồng sở hữu để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bán Việt - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0031900170800 ngày 29 tháng 11 năm 2019, hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 29 tháng 11 năm 2020. Mục đích khoản vay là để thanh toán L/C nhập khẩu trả ngay. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba tại số 46 Đường BC1, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh và các lô hàng inox nguyên liệu nhập khẩu trực tiếp qua Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.7) để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn theo Hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201901892 ngày 20 tháng 08 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 6140-LAV-201901892/PLHD ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc sửa đổi thời hạn cho vay và kỳ hạn trả lãi của các lần nhận nợ, hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng và tối đa không quá 10 tháng cho từng khoản vay. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ống thép không rỉ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6140-LCL-201400974 ngày 14 tháng 6 năm 2014, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khuôn viên thửa đất số 878, 879, tờ bản đồ số 65, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201402149/SDBS ngày 5 tháng 4 năm 2016 (xem Thuyết minh số V.10), máy đánh bóng inox và phụ kiện máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201600296 ngày 5 tháng 4 năm 2016, phụ kiện máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201600426 ngày 5 tháng 4 năm 2016 (xem Thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 575, 576, 577, 578, 579 tờ bản đồ số 14 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 6140-LCL-201701091 để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 21/2019-HĐCVHM/NHCT948-KIMVI ngày 25 tháng 9 năm 2019, hạn mức tín dụng là 167.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của bên thứ 3 theo các Hợp đồng thế chấp số 043/2015-HĐTC, số 042/2017-HĐTC, số 030/2017-HĐTC, số 026/2016-HĐTC, số 063/2017-HĐTC, số 014/HĐCC-2017, số 015/HĐCC-2017, số 018/HĐCC-2017, số 022/HĐCC-2017, số 067/HĐCC-2017, số 052/HĐCC-2017, số 070/HĐCC-2017, số 077/HĐCC-2017, số 082/HĐCC-2017 để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8812626/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2019, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

động, bảo lãnh, mở Thư tín dụng (L/C). Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất thừa đất 875 tờ bản đồ 65 của Công ty (xem Thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ 3 để thế chấp cho khoản vay này.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tại ngày 01 tháng 01	3.000.000.000	3.000.000.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi các quỹ	-	-
<b>Tại ngày 30 tháng 06</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	495.000.000.000	(74.372.727)	63.025.216.669	557.950.843.942
Lãi trong năm 2019	-	-	5.990.481.176	5.990.481.176
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>495.000.000.000</b>	<b>(74.372.727)</b>	<b>68.847.697.845</b>	<b>563.773.325.118</b>
<b>Số đầu năm này</b>	<b>495.000.000.000</b>	<b>(74.372.727)</b>	<b>68.847.697.845</b>	<b>563.773.325.118</b>
Lỗ trong 6 tháng đầu năm 2020	-	-	(19.919.538.616)	(19.919.538.616)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
<b>Số cuối kỳ này</b>	<b>495.000.000.000</b>	<b>(74.372.727)</b>	<b>48.760.159.229</b>	<b>543.685.786.502</b>

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 số 0805/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 với số tiền là 168.000.000 VND.

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.500.000	49.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.500.000	49.500.000
Cổ phiếu phổ thông	49.500.000	49.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN-XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	1.137,09	1.497,90

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng	105.288.565.908	310.934.296.890
Doanh thu cung cấp dịch vụ	966.273.605	6.758.721.773
Doanh thu bán phế liệu	46.215.000	59.940.000
<b>Cộng</b>	<b><u>106.301.054.513</u></b>	<b><u>317.752.958.663</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng	110.608.229.855	293.634.211.172
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	332.467.879	404.948.015
<b>Cộng</b>	<b><u>110.940.697.734</u></b>	<b><u>294.039.159.187</u></b>

**3. Doanh thu tài chính**

Lãi tiền gửi	(440.956.711)	1.598.908.297
Lãi cho vay	561.633.334	652.352.333
Lãi trái phiếu	19.695.890	11.312.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.567	2.703.528
<b>Cộng</b>	<b><u>140.388.080</u></b>	<b><u>2.265.276.658</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay	11.074.237.707	12.610.361.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	117.439.105
<b>Cộng</b>	<b><u>11.074.237.707</u></b>	<b><u>12.727.800.576</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	119.704.048	570.681.863
Chi phí vật liệu, bao bì	-	131.747.712
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.353.920	22.664.645
Chi phí khấu hao	99.518.640	231.845.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.466.578	349.490.328
Chi phí bằng tiền khác	-	16.309.272
<b>Cộng</b>	<b><u>310.043.186</u></b>	<b><u>1.322.739.689</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên	797.544.335	2.002.361.036
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.933.004	138.359.319
Chi phí khấu hao	2.588.341.980	2.848.652.694
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.920.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.035.388	828.370.349
Chi phí bằng tiền khác	95.784.951	298.393.916
<b>Cộng</b>	<b><u>3.836.639.658</u></b>	<b><u>6.122.057.314</u></b>

**7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

<b>Thu nhập khác</b>	<b>617.499</b>	<b>3.210.480.959</b>
Thanh lý TSCĐ	-	3.210.479.954
Thu nhập khác	617.499	1.005
<b>Chi phí khác</b>	<b>199.980.423</b>	<b>16.325.719</b>
Phạt chậm nộp bảo hiểm	31.712.767	16.322.175
Lãi phạt chậm thanh toán	159.791.006	-
Chi phí khác	8.476.650	3.544
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b><u>(199.362.924)</u></b>	<b><u>3.194.155.240</u></b>

**8. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>(19.919.538.616)</b>	<b>9.000.633.795</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.872.931.510</b>	<b>16.297.343</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	14.670	28.376
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền kỳ này</i>	<i>14.670</i>	<i>28.376</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.872.946.180	16.325.719
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>6.872.946.180</i>	<i>16.325.719</i>
<b>Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)</b>	<b><u>(13.046.607.106)</u></b>	<b><u>9.016.931.138</u></b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.803.386.228</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Kỳ kế toán này Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(19.919.538.616)</b>	<b>7.197.247.567</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(19.919.538.616)</b>	<b>7.197.247.567</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(402)</b>	<b>145</b>

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(19.919.538.616)</b>	<b>7.197.247.567</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>(19.919.538.616)</b>	<b>7.197.247.567</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>49.500.000</b>	<b>49.500.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(402)</b>	<b>145</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN-XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.157.696.498	264.100.600.547
Chi phí nhân công	1.481.845.019	5.699.458.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.209.293.276	9.581.149.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.828.205	4.168.904.461
Chi phí bằng tiền khác	242.283.024	320.623.188
<b>Cộng</b>	<b><u>113.580.946.022</u></b>	<b><u>283.870.736.440</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi cho vay phải thu	-	16.599.999
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	1.086.251.238
Lãi trái phiếu nhập gốc	12.070.890	11.312.500
Chi phí lãi vay phải trả	<u>2.965.245.876</u>	<u>1.077.757.295</u>

**2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong kỳ	23.240.000	23.240.000
Lãi tiền gửi phải thu năm trước đã thu trong kỳ	757.632.375	775.568.557
Phải trả tiền mua sắm tài sản năm trước đã trả trong kỳ	449.500.001	751.000.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	<u>2.327.465.456</u>	<u>509.512.323</u>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan****Bên liên quan**

Ông Lê Trần Vũ Đạt

**Mối quan hệ**

Thành viên HĐQT

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Ông Lê Trần Vũ Đạt</b>		
Tạm ứng	<u>4.278.743.138</u>	<u>-</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ông Lê Trần Vũ Đạt</b>		
Tạm ứng	1.942.474.190	-

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	450.600.000	477.600.000
Phụ cấp, tiền thưởng	188.566.500	160.266.227
<b>Cộng</b>	<b>639.166.500</b>	<b>637.866.227</b>

**2. Báo cáo theo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm inox do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động bán hàng, cung cấp sản phẩm tại các thị trường miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Nhà máy Công ty tại miền Nam.

Dưới đây là phân tích lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Miền Bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	106.301.054.513	106.301.054.513
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106.301.054.513</b>	<b>106.301.054.513</b>
Giá vốn hàng bán phân bộ theo bộ phận	-	-	110.940.697.734	110.940.697.734
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(4.639.643.221)</b>	<b>(4.639.643.221)</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.145.455	5.013.154.428	312.243.658.780	317.752.958.663
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>496.145.455</b>	<b>5.013.154.428</b>	<b>312.243.658.780</b>	<b>317.752.958.663</b>
Giá vốn hàng bán phân bộ theo bộ phận	459.118.282	4.639.024.351	288.941.016.554	294.039.159.187
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>37.027.173</b>	<b>374.130.077</b>	<b>23.302.642.226</b>	<b>23.713.799.476</b>

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chuyên ngành inox. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	229.641.760.096	317.991.768.357
Trừ: Tiền	(10.177.172.027)	(4.007.954.092)
Nợ thuần	219.464.588.069	313.983.814.265
Vốn chủ sở hữu	543.685.786.502	563.773.325.118
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>40%</b>	<b>56%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	10.177.172.027	10.177.172.027	4.007.954.092	4.007.954.092

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	500.000.000	40.683.147.652	40.683.147.652
Phải thu của khách hàng	127.363.655.973	127.363.655.973	119.569.554.828	119.569.554.828
Phải thu về cho vay	-	-	19.349.444.444	19.349.444.444
Phải thu khác	21.617.050	21.617.050	36.790.122.378	36.790.122.378
<b>Cộng</b>	<b>138.062.445.050</b>	<b>138.062.445.050</b>	<b>220.400.223.394</b>	<b>220.400.223.394</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	3.803.205.840	3.803.205.840	11.278.083.008	11.278.083.008
Chi phí phải trả	3.020.245.876	3.020.245.876	2.382.465.460	2.382.465.460
Phải trả khác	780.932.400	780.932.400	530.012.400	530.012.400
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	229.641.760.096	229.641.760.096	317.991.768.357	317.991.768.357
<b>Cộng</b>	<b>237.246.144.212</b>	<b>237.246.144.212</b>	<b>332.182.329.225</b>	<b>332.182.329.225</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá trên thị trường.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>500.000.000</b>	<b>54.683.147.652</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (đầu tư nắm giữ ngày đáo hạn)	-	40.183.147.652
Trái phiếu	500.000.000	500.000.000
Phải thu về cho vay (cho vay có lãi)	-	14.000.000.000
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>229.641.760.096</b>	<b>317.991.768.357</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	229.641.760.096	317.991.768.357
<b>Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b><u>(229.141.760.096)</u></b>	<b><u>(263.308.620.705)</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 2.291.417.601 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.633.086.207 VND).

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

##### *Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Hội đồng quản trị Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

##### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Trong vòng 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền	10.177.172.027	-	10.177.172.027
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu của khách hàng	127.363.655.973	-	127.363.655.973
Phải thu về cho vay	-	-	-
Phải thu khác	21.617.050	-	21.617.050
<b>Cộng</b>	<b>137.562.445.050</b>	<b>500.000.000</b>	<b>138.062.445.050</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán	3.803.205.840	-	3.803.205.840
Chi phí phải trả	3.020.245.876	-	3.020.245.876
Phải trả khác	23.220.000	757.712.400	780.932.400
Các khoản vay	229.641.760.096	-	229.641.760.096
<b>Cộng</b>	<b>236.488.431.812</b>	<b>757.712.400</b>	<b>237.246.144.212</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(98.925.986.762)</b>	<b>(257.712.400)</b>	<b>(99.183.699.162)</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Trong vòng 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền	4.007.954.092	-	4.007.954.092
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.183.147.652	500.000.000	40.683.147.652
Phải thu của khách hàng	119.569.554.828	-	119.569.554.828
Phải thu về cho vay	19.349.444.444	-	19.349.444.444
Phải thu khác	790.122.378	36.000.000.000	36.790.122.378
<b>Cộng</b>	<b>183.900.223.394</b>	<b>36.500.000.000</b>	<b>220.400.223.394</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán	11.278.083.008	-	11.278.083.008
Chi phí phải trả	2.382.465.460	-	2.382.465.460
Phải trả khác	-	530.012.400	530.012.400
Các khoản vay	317.991.768.357	-	317.991.768.357
<b>Cộng</b>	<b>331.652.316.825</b>	<b>530.012.400</b>	<b>332.182.329.225</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(147.752.093.431)</b>	<b>35.969.987.600</b>	<b>(111.782.105.831)</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Tại ngày 31 tháng 7 năm 2020 Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 3107/QĐ-HĐQT/2020/KVC về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của ông Đỗ Hùng, bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Hòa.

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020



**ĐỖ HÙNG**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**TRẦN TRUNG NGHĨA**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THÙY VƯƠNG**  
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ